TIẾNG VIỆT

**Bài 5: BÁC TRỐNG TRƯỜNG (Tiết 3+ 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết** các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát .

**- Phát triển kĩ năng viết** thông qua hoạt động viết hoàn thiện câu dựa vào từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn văn ngắn.

- Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua hoạt động trao đổi về nội dung được thể hiện trong tranh.

- **Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: ý thức tuân thủ nền nếp học tập (đi học đúng giờ, theo hiệu lệnh ở trường học); khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Tranh vẽ cái trống trường

- HS: Vở tập viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Hoạt động Mở đầu**

- HS nghe GV đọc bài: Bác trống trường.

- GV nhận xét, giới thiệu bài.

**2. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

- HS đọc yêu cầu.

- HS chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.

- Đại diện HS trình bày:

- HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.

+ Năm nào cũng vậy, chúng em háo hức chờ đón ngày khai trường.

- HS, GV cùng thống nhất câu trả lời.

- HS nghe GV nhận xét, chỉnh sửa.

**3. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**

- HS quan sát tranh và đọc các từ ngữ trong khung.

- HS nói theo nội dung tranh có dùng các từ ngữ đã cho sẵn.

- Đại diện HS trình bày, HS đọc lại

+ Tranh 1: Các bạn xếp hàng ngay ngắn vào lớp

+ Tranh 2: Các bạn sắp xếp sách vở ngay ngắn.

- HS, GV nhận xét, chỉnh sửa.

**Tiết 4**

**4. Nghe viết**.

- HS nghe GV đọc nội dung bài viết:

+ Thỉnh thoảng có chuông điện báo giờ học. Nhưng trống trường…

- HS luyện viết các chữ khó viết: chuông điện, trống trường.

- HS nhác lại cách trình bày bài thơ

- HS nêu tư thế ngồi viết.

- GV đọc, HS viết bài vào vở tập viết

- HS nghe GV nhận xét, tuyên dương.

**5. Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Bác trống trường* từ ngữ có tiếng chứa vần ang, an, au, ao.**

- HS làm bài, trình bày:

- HS đọc lại các tiếng vừa tìm được.

+ ang: thang, sáng, mảng , hang, vang…

+ an: can, bàn, sạn, ngán, hàn, màn, sàn…

+ au : mau, chau, mau, hàu, máu, sáu…

+ ao : cháo, bào, sào, vào, gạo

- HS, GV nhận xét, chốt bài đúng.

**6. Đọc và giải câu đố**

- HS đọc câu đố và thảo luận nhóm đôi giải câu đố.

+ Ở lớp mặc áo đen, xanh

Với anh phấn trắng đã thành bạn thân.

- Đại diện HS trình bày.

+ Bảng lớp, chuông điện.

- GV nhận xét, tuyên dương.

**4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm**

- Bài học cho em biết điều gì?

- Vẽ lại cái trống trường theo ý thích của em.

- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.

- Nhắc nhở học sinh học bài và chuẩn bị bài sau.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC**

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………